

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN CẦU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 11-11-2020  
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trang Thái Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn H;

Ông Nguyễn Văn Tèo.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Tiến Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 giữa:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Đặng Phi H, sinh năm 1975. Vắng mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

***2. Bị đơn:*** Bà Lê Kim L, sinh năm 1980. Vắng mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2020 và trong quá trình làm việc, nguyên đơn ông Đặng Phi H đã khai:* Ông H và bà Lê Kim L qua tìm hiểu một thời gian thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn từ đó cho đến nay. Ông H và bà L chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng về quan điểm sống, không còn hợp nhau về tính tình; từ đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn

hạnh phúc. Ông H và bà L không còn sống chung nhà từ tháng 9/2020 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hoà giải hàn gắn nên ông H yêu cầu ly hôn đối với bà Lê Kim L.

- Về con chung: Ông H và bà L có hai con chung tên Đặng Minh T, sinh năm 1997 và Đặng Nhựt H, sinh năm 2000; hiện cháu T và cháu H đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông H và bà L tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H cam kết không có nợ chung ai.

*Bị đơn bà Lê Kim L đã khai:* Về quan hệ hôn nhân bà L thống nhất như lời trình bày của ông H. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quá trình đi làm thì ông H có tình cảm với người phụ nữ khác. Bà L khuyên can nhưng ông H không sửa đổi mà còn kiếm chuyện gây gổ, chửi mắng; từ đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Xét thấy không thể hoà giải hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đặng Phi H.

- Về con chung: Bà L và ông H có hai con chung tên Đặng Minh T, sinh năm 1997 và Đặng Nhựt H, sinh năm 2000; hiện cháu T và cháu H đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà L và ông H tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L cam kết không có nợ chung ai.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Phi H đối với bà Lê Kim L.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, bà L không phải chịu án phí.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Đặng Phi H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa ông H và bà Lê Kim L, bà L có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết, ông H và bà L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông Đặng Phi H và bà Lê Kim L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996 và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng trong suốt thời gian chung sống cho đến nay ông H và bà L không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đặng Phi H và bà Lê Kim L.

[3] Về con chung: Ông H và bà L thống nhất có hai con chung tên Đặng Minh T, sinh năm 1997 và Đặng Nhựt H, sinh năm 2000. Hiện tại, anh T và anh H đã thành niên, tự lao động sinh sống nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, bà L không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đặng Phi H và bà Lê Kim L.

2. Về con chung: Ông H và bà L thống nhất có hai con chung tên Đặng Minh

T, sinh năm 1997 và Đặng Nhựt H, sinh năm 2000. Con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Ông Đặng Phi H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: **0014461 ngày 15/10/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Bà Lê Kim L không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Đặng Phi H và bà Lê Kim L có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trang Thái Châu**